

Số: 24/NQ-HĐND

An Giang, ngày 08 tháng 12 năm 2017

NGHỊ QUYẾT

**Quyết định chủ trương đầu tư chương trình,
dự án nhóm B và dự án trọng điểm nhóm C
sử dụng vốn đầu tư công giai đoạn 2016 - 2020**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG
KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ 6**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về Kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm;

Căn cứ Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị quyết số 04/2015/NQ-HĐND ngày 09 tháng 7 năm 2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc ban hành quy định về tiêu chí dự án trọng điểm nhóm C trên địa bàn tỉnh An Giang;

Xét Tờ trình số 735/TTr-UBND ngày 04 tháng 12 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án nhóm B và dự án trọng điểm nhóm C sử dụng vốn đầu tư công giai đoạn 2016 - 2020; Báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - ngân sách; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê duyệt chủ trương đầu tư chương trình, dự án nhóm B và dự án trọng điểm nhóm C sử dụng vốn đầu tư công giai đoạn 2016 - 2020 với danh mục 01 chương trình và 69 dự án, bao gồm:

- 01 chương trình Hỗ trợ đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng của hợp tác xã nông, lâm, ngư nghiệp tỉnh An Giang, với tổng mức đầu tư là 31.171 triệu đồng.

- 18 dự án nhóm B sử dụng vốn ngân sách Trung ương hỗ trợ, với tổng mức đầu tư là 6.131.271 triệu đồng.

- 51 dự án nhóm B và trong điểm nhóm C (trong đó: Nhóm B 36 dự án; Trong điểm nhóm C 15 dự án) sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương, với tổng mức đầu tư là 4.378.421 triệu đồng.

(Danh mục chi tiết kèm theo Phụ lục số 01, 02 và 03)

Tổng số chương trình, dự án đầu tư công trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định chủ trương đầu tư trong giai đoạn 2016 - 2020, tại kỳ họp lần thứ 6 gồm: 01 chương trình, 69 dự án (trong đó: 54 dự án nhóm B, 15 dự án trọng điểm nhóm C), với tổng mức đầu tư là 10.540.863 triệu đồng.

Điều 2. Thống nhất quyết định chủ trương không thực hiện đầu tư 08 dự án (nhóm B và dự án trọng điểm nhóm C) sử dụng vốn đầu tư công trong giai đoạn 2016 - 2020, với tổng mức đầu tư 556.854 triệu đồng.

(Danh mục chi tiết kèm theo Phụ lục số 04)

Điều 3. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Điều 1 Nghị quyết này.

Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu HĐND và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát quá trình tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Điều 4. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang khóa IX, kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 08 tháng 12 năm 2017 và có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký. *./.*

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính Phủ;
- Ủy ban Trung ương MTTQVN;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tài chính;
- Vụ Công tác Quốc hội, Địa phương và Đoàn thể - VPCP;
- Kiểm Toán nhà nước Khu vực IX;
- Website Chính phủ;
- Thường trực: TU, HĐND, UBND và UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các vị đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Văn phòng: TU, HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Cơ quan thường trú TTXVN tại AG, Báo nhân dân tại AG, Truyền hình Quốc hội tại Kiên Giang, Báo An Giang; Đài Phát thanh - Truyền hình An Giang;
- Website tỉnh, Trung tâm Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, Phòng Tổng hợp-Nh.



CHỦ TỊCH

ccc
Võ Anh Kiệt



PHỤ LỤC SỐ 01

DANH MỤC BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ CHƯƠNG TRÌNH

(Kèm theo Nghị Quyết số 24 /NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang)

STT	Lĩnh vực/danh mục dự án	Địa điểm	Chủ đầu tư	Quy mô đầu tư	Mục tiêu đầu tư	Tổng mức đầu tư (ĐVT: triệu đồng)	Cơ cấu nguồn vốn đầu tư				Thời gian thực hiện trong giai đoạn	Tiến độ thực hiện dự kiến
							Vốn NS TW hỗ trợ	Vốn NS Tỉnh	Vốn NS Huyện	Vốn khác (Vốn 135, miễn thuế lệ phí, vốn doanh nghiệp, vốn vay...)		
	TỔNG CỘNG					31.171	0	20.000	0	11.171		
1	Chương trình Hỗ trợ đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng của hợp tác xã nông, lâm, ngư nghiệp tỉnh An Giang	Huyện, thị thành phố	Liên minh HTX tỉnh An Giang	10 hợp tác xã	Nhằm thúc đẩy hoạt động của hợp tác xã nông, lâm, ngư nghiệp hoạt động theo quy định của Luật Hợp tác xã năm 2012, phát huy ưu thế của hợp tác xã kiểu mới, làm ăn có hiệu quả, góp phần phát triển nông nghiệp bền vững trong điều kiện kinh tế thị trường và hội nhập kinh tế quốc tế. Tạo điều kiện thúc đẩy hợp tác xã nông nghiệp tham gia sản xuất theo mô hình “Cánh đồng lớn” gắn với doanh nghiệp, thúc đẩy quá trình mua chung bán chung trong hợp tác xã.	31.171		20.000		11.171	2016-2020	05 năm



PHỤ LỤC SỐ 02

DANH MỤC BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ DỰ ÁN NHÓM B
(NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG HỖ TRỢ)

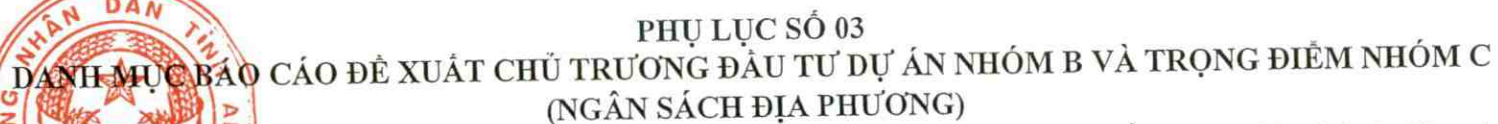
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 24 /NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang)

STT	Lĩnh vực/danh mục dự án	Địa điểm	Chủ đầu tư	Quy mô đầu tư	Mục tiêu đầu tư	Tổng mức đầu tư (ĐVT: triệu đồng)	Cơ cấu nguồn vốn đầu tư				Thời gian thực hiện trong giai đoạn	Tiến độ thực hiện dự kiến
							Vốn NS TW hỗ trợ	Vốn NS Tỉnh	Vốn NS Huyện	Vốn khác (Vốn 135, miễn thủy lệ phí, vốn doanh nghiệp, vốn vay...)		
	TỔNG CỘNG					6.152.871	3.533.879	1.952.730	0	666.262		
	Dự án nhóm B											
I	Nông, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản											
1	Kè chống sạt lở bờ sông Hậu bảo vệ thành phố Long Xuyên	LX	SNN&PTNT	2.488m	Nhằm đảm bảo ổn định bờ sông, góp phần chỉnh trang đô thị TPLX	377.927	265.920	112.007			2016-2020	05 năm
2	Xây dựng và nhân rộng mô hình "Cánh đồng lớn" tỉnh An Giang, giai đoạn 2016-2020	11 huyện, thị thành	SNN&PTNT	45 tiểu vùng, 36.292ha	Tạo vùng sản xuất lớn về sản lượng, đồng nhất về chất lượng của từng loại sản phẩm lúa gạo, Thay đổi tập quán canh tác truyền thống, chuyển sang hướng sản xuất mới	347.012	72.000	58.000		217.012	2016-2020	05 năm
3	Kiểm soát lũ Tây Sông Hậu	CT, TS	SNN&PTNT	14.400ha	Để đáp ứng nhu cầu phát triển sản xuất nông nghiệp vùng Tây sông Hậu tỉnh An Giang giai đoạn 2016 - 2020 và những năm về sau	400.076	167.000	133.076		100.000	2016-2020	05 năm
4	Nâng cấp, cải tạo tuyến kênh Vĩnh Tế thuộc hệ thống thủy lợi vùng tứ giác Long Xuyên thích ứng biến đổi khí hậu	TP CD, TB, TT	SNN&PTNT	46km kênh, 11 bể lắng để tập kết đất nạo vét	Nhằm phát triển giao thông vận tải đường thủy, đồng bộ cả về cơ sở hạ tầng, có khả năng liên kết thuận lợi các phương thức vận tải, đảm bảo thông suốt từ nông thôn đến thành thị, với các tỉnh thành phố khác trong khu vực và quốc tế phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh	200.000	157.000	43.000			2016-2020	05 năm
5	Trang trại chăn nuôi bò SD	TT	Cty TNHH MTV SD	Diện tích sử dụng đất 38.434m2. Quy mô 2.000 bò	Phát triển các trang trại, cơ sở chăn nuôi tập trung theo phương thức chăn nuôi công nghiệp an toàn sinh học, có đồng cỏ, có vùng nguyên liệu.	150.000	3.000	2.000		145.000	2014-2017	04 năm

[illegible]

STT	Lĩnh vực/danh mục dự án	Địa điểm	Chủ đầu tư	Quy mô đầu tư	Mục tiêu đầu tư	Tổng mức đầu tư (ĐVT: triệu đồng)	Cơ cấu nguồn vốn đầu tư				Thời gian thực hiện trong giai đoạn	Tiến độ thực hiện dự kiến
							Vốn NS TW hỗ trợ	Vốn NS Tỉnh	Vốn NS Huyện	Vốn khác (Vốn 135, miễn thuế lệ phí, vốn doanh nghiệp, vốn vay...)		
11	Nâng cấp mở rộng khẩn cấp đường tỉnh 948 thuộc tuyến quốc phòng-an ninh vùng biên giới và dân tộc	TB	UBND TB	chiều dài 9.601m	Nhằm từng bước hoàn thiện mạng lưới giao thông trong khu vực, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội giữa các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long với nước bạn Campuchia.	300.115	112.000	188.115			2016-2020	05 năm
12	Nâng cấp tuyến đường liên tỉnh nối từ huyện Châu Phú tỉnh An Giang qua khu vực tứ giác Long Xuyên nối với huyện Hòn Đất tỉnh Kiên Giang (ĐT945)	CP - TT - TB	Ban QLDA ĐTXD công trình giao thông	Phần đường: Chiều dài tuyến đầu tư dài 42km, cấp đường là cấp IV. Phần cầu: 31 cầu. BTCT.	Nhằm điều kiện giao thông thông suốt, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội giữa các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long với nhau, đáp ứng nhu cầu đi lại, trao đổi hàng hóa, phát triển du lịch, hoàn thiện hệ thống giao thông theo quy hoạch của tỉnh An Giang nói riêng và các tỉnh lân cận nói chung.	1.125.000	900.000	225.000			2017-2022	05 năm
IV	Du lịch											
13	Đầu tư cơ sở hạ tầng khu du lịch Núi Cấm	TB	UBND TB	7.000m đường trục chính + 800m lề + 4.500m đường nhánh	Nhằm đảm bảo an ninh trật tự và tăng thêm vẻ mỹ quan cho khu du lịch, góp phần thu hút khách du lịch đến tham quan và phát triển kinh tế xã hội địa phương	150.000	100.000	50.000			Hết năm 2020	05 năm
V	Cấp thoát nước và xử lý nước thải, rác thải											
14	Hệ thống xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp Bình Long (giai đoạn 1)	CP	Ban QLKKT	4.000m3/ngày đêm	Xử lý nước thải tập trung	102.486	90.000	12.486			2016-2020	05 năm
VI	Y tế, dân số và vệ sinh an toàn thực phẩm											
15	Bệnh viện y học cổ truyền	LX	Ban QLDA ĐTXD&KV PTĐT tỉnh	100 giường bệnh	Nhằm từng bước nâng cao chất lượng khám chữa bệnh bằng y học cổ truyền, kết hợp y học hiện đại, góp phần làm giảm tình trạng quá tải của các bệnh viện.	178.812	66.600	112.212			2016-2020	05 năm
VII	Quản lý nhà nước											

STT	Lĩnh vực/danh mục dự án	Địa điểm	Chủ đầu tư	Quy mô đầu tư	Mục tiêu đầu tư	Tổng mức đầu tư (ĐVT: triệu đồng)	Cơ cấu nguồn vốn đầu tư				Thời gian thực hiện trong giai đoạn	Tiến độ thực hiện dự kiến
							Vốn NS TW hỗ trợ	Vốn NS Tỉnh	Vốn NS Huyện	Vốn khác (Vốn 135, miễn thuế lệ phí, vốn doanh nghiệp, vốn vay...)		
16	Kho lưu trữ chuyên dụng tỉnh An Giang	LX	Sở Nội vụ	Khối nhà chính gồm: 09 tầng + công trình phụ trợ + thiết bị	Nhằm đáp ứng nhu cầu thu thập, xử lý, cung cấp, khai thác các nguồn tài nguyên lưu trữ của tỉnh cũng như cung cấp nhiều tài liệu phục vụ cho việc nghiên cứu khoa học, nhu cầu công tác và tham khảo	113.213	39.138	74.075			2016-2020	05 năm
VIII Quốc phòng, an ninh												
17	Đường ra các chốt dân quân, chốt Bộ đội Biên phòng (giai đoạn 2) (Đường ra biên giới (nhánh 1 đến nhánh 10) thuộc 04 huyện: AP, TT, TB, TP CĐ)	AP, TT, TB, CĐ	BCH QS tỉnh	7.710m đường + 03 cầu và công trình phụ trợ	Nhằm tăng cường công tác bảo vệ an ninh biên giới và thể trận phòng thủ vững chắc	110.000	100.000	10.000			2016-2020	05 năm
18	Đường ra trạm kiểm soát biên phòng Phú Hội (939)	AP	BCH BĐBP	4.830,16m đường + công trình phụ trợ	Nhằm tạo sự kết nối thông suốt giữa trung tâm xã với trạm kiểm soát, phục vụ tuần tra, kiểm soát đường biên giới, cột mốc, bảo vệ chủ quyền lãnh thổ	106.979	80.000	26.979			2016-2020	05 năm

[illegible]

STT	Lĩnh vực/danh mục dự án	Địa điểm	Chủ đầu tư	Quy mô đầu tư	Mục tiêu đầu tư	Tổng mức đầu tư (ĐVT: triệu đồng)	Cơ cấu nguồn vốn đầu tư			Thời gian thực hiện trong giai đoạn	Tiến độ thực hiện dự kiến
							Vốn NS Tỉnh	Vốn NS Huyện	Vốn khác (Vốn 135, miễn thủy lợi phí, vốn doanh nghiệp, vốn vay...)		
5	Mở rộng cửa khẩu phụ Vĩnh Gia	TT	UBND TT	Cột mốc biên giới; trạm kiểm soát liên hợp, chợ gia súc, nhà vệ sinh công cộng, HTKT.	Nhằm phát triển kinh tế và bảo vệ an ninh - quốc phòng vùng biên giới	78.000	38.400	19.000	20.600	2016-2020	05 năm
6	Sân lắp MB Khu công nghiệp Bình Hòa mở rộng	CT	Ban QLKKT	30ha	Tạo môi trường thuận lợi thu hút đầu tư trong nước và nước ngoài, góp phần phát triển KTXH địa phương	142.360	142.360			2017-2021	05 năm
7	Trạm kiểm soát liên hợp và Quốc môn cửa khẩu Khánh Bình	AP	Ban QLKKT	Diện tích sử dụng đất khoảng 7,56ha, gồm: Trạm kiểm soát liên hợp, hạ tầng kỹ thuật + thiết bị	Nhằm từng bước hoàn thiện hệ thống cửa khẩu biên giới đất liền Việt Nam - Campuchia theo một quy hoạch thống nhất, hợp lý và đồng bộ, góp phần phát triển kinh tế xã hội của địa phương	126.785	126.785			2017-2021	05 năm
8	Mở rộng Cụm công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp Tân Trung	PT	UBND huyện PT	Tổng diện tích 45,92 ha bao gồm 2 khu vực: (1) Khu chuyển đổi từ chợ Nông sản Tân Trung 9,02 ha, (2) Khu Mở rộng Cụm công nghiệp Tân Trung là 36,9 h	Nhằm cụ thể hóa chủ trương đa dạng hóa ngành nghề, không còn phụ thuộc nhiều vào sản xuất nông nghiệp. Mở rộng thêm các ngành nghề, dịch vụ khác để tạo thêm nhiều công ăn việc làm, giải quyết số lao động nhàn rỗi, tăng nguồn thu nhập ổn định cho người dân, góp phần thúc đẩy nhanh tiến trình phát triển kinh tế chung trong toàn xã hội	253.000	130.000		123.000	2018-2023	05 năm (NST: năm 2018: 20 tỷ, phần còn lại bố trí sau 2020)
IV	Giao thông										
9	Nâng cấp tuyến tránh thị trấn Núi Sập.	TS	UBND TS	Phần đường 4.058m +01 cầu và công trình phụ trợ	Nhằm hoàn thiện hệ thống hạ tầng kỹ thuật, đáp ứng nhu cầu đi lại và vận chuyển hàng hóa, góp phần phát triển KTXH địa phương	98.178	94.068		4.110	2016-2020	05 năm
10	Cầu Nguyễn Thái Học.	LX	Ban QLDA ĐTXD công trình giao thông	Dài 120m, mặt cắt ngang cầu 16m (bao gồm lề bộ hành rộng 02m)	Đảm bảo giao thông được thông suốt, kết nối tốt giữa trung tâm hành chính tỉnh và trung tâm hành chính thành phố Long Xuyên, điều hòa giao thông nội chung và nối liền với Đông Xa Lộ Vành Đai và khu trung tâm văn hóa Liên hợp thể dục thể thao.	186.325	186.325			2017-2022	05 năm

STT	Lĩnh vực/danh mục dự án	Địa điểm	Chủ đầu tư	Quy mô đầu tư	Mục tiêu đầu tư	Tổng mức đầu tư (ĐVT: triệu đồng)	Cơ cấu nguồn vốn đầu tư			Thời gian thực hiện trong giai đoạn	Tiến độ thực hiện dự kiến
							Vốn NS Tỉnh	Vốn NS Huyện	Vốn khác (Vốn 135, miễn thuế lệ phí, vốn doanh nghiệp, vốn vay...)		
11	Tuyến đường đoạn từ đường tránh QL 91 đến chợ Vĩnh Đông phường Núi Sam	CD	UBND TPCĐ	1.900m	Tạo sự kết nối giữa nội ô TP Châu Đốc với đường tránh QL91 nhằm đáp ứng nhu cầu giao thông đại lại và vận chuyển hàng hóa trong khu vực, giảm lưu lượng giao thông qua nội ô Thành phố	84.487	84.487			2016-2020	05 năm
12	Nâng cấp mở rộng tuyến Thoại Giang – Xã Diều (đoạn từ cầu Thoại Giang đến cầu Xã Diều)	TS	UBND TS	10.763m	Tạo điều kiện thuận lợi cho việc đi lại, vận chuyển hàng hoá, nông sản của người dân trong khu vực, kết nối thông suốt từ đường tỉnh 943 tại cầu Thoại Giang - huyện Thoại Sơn với quốc lộ 80 - tỉnh Kiên Giang.	86.292	86.292			2016-2020	05 năm
13	Đường Phạm Cự Lượng (từ Bến xe Long Xuyên đến đường tránh)	LX	UBND LX	591m	Nhằm kết nối đường Phạm Cự Lượng hiện trạng với tuyến đường tránh Long Xuyên để tạo điều kiện thuận lợi cho việc tham gia giao thông được thuận lợi.	83.322	11.520	71.802		2017-2020	03 năm
14	Nâng cấp mở rộng Tỉnh lộ 954 – Đoạn qua thị trấn Phú Mỹ	PT	UBND PT	Chiều dài tuyến đường chính là 2.320m, bề rộng mặt đường là 12m	Tạo điều kiện thuận lợi cho người dân đi lại của địa phương và góp phần nâng cao đời sống người dân vùng dự án; đồng thời góp phần phát triển đô thị trung tâm huyện, đáp ứng phục vụ cho giao thông bộ trên tuyến Tỉnh lộ 954. Đẩy mạnh giao thương, buôn bán và phát triển kinh tế xã hội của người dân trong và ngoài huyện Phú Tân	119.969	119.969			2019-2023	05 năm
15	Đường giao thông liên xã Mỹ Khánh (từ cầu Thông Lưu đến cầu Cái Chiêng)	LX	UBND LX	5.325m	Nhằm đáp ứng nhu cầu giao thông được thông suốt, tránh ùn tắc giao thông, thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội của địa phương.	90.000	40.000	50.000		2016-2020	05 năm
V	<i>Y tế, dân số và vệ sinh an toàn thực phẩm</i>										
16	Thiết bị bổ sung bệnh viện đa khoa trung tâm An Giang (600 giường)	LX	BVĐKTTAG	Bổ sung trang thiết bị phục vụ cho bệnh viện	Đáp ứng nhu cầu khám và điều trị cho bệnh nhân, nâng cao sức khỏe cho người dân và góp phần thúc đẩy phát triển KTXH địa phương.	77.461	77.461			2016-2020	05 năm

STT	Lĩnh vực/danh mục dự án	Địa điểm	Chủ đầu tư	Quy mô đầu tư	Mục tiêu đầu tư	Tổng mức đầu tư (ĐVT: triệu đồng)	Cơ cấu nguồn vốn đầu tư			Thời gian thực hiện trong giai đoạn	Tiến độ thực hiện dự kiến
							Vốn NS Tỉnh	Vốn NS Huyện	Vốn khác (Vốn 135, miễn thuế lệ phí, vốn doanh nghiệp, vốn vay...)		
17	Trụ sở 4 đơn vị y tế (Trung tâm y tế dự phòng tỉnh, kiểm nghiệm dược phẩm mỹ phẩm, giáo dục sức khỏe và giám định y khoa Long Xuyên.	LX	Sở Y tế	Khối nhà chính, hạ tầng kỹ thuật, công trình phụ trợ, trang thiết bị	Hoàn chỉnh cơ sở vật chất giúp bảo vệ và chăm sóc sức khỏe nhân dân và nâng cao năng lực chuyên môn để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.	116.675	116.675			2016-2022	05 năm
18	Bệnh viện đa khoa thị xã Tân Châu (GĐ 2)	TC	Ban QLDA ĐTXD & KVP TĐT tỉnh	Khối điều trị nội trú; khoa nhiễm; khoa chống nhiễm khuẩn – dinh dưỡng; khoa y học cổ truyền; công trình phụ trợ; hạ tầng kỹ thuật và trang thiết bị.	Đáp ứng nhu cầu khám và điều trị cho bệnh nhân trong thị xã và các vùng lân cận, làm giảm bớt số lượng bệnh nhân chuyển lên tuyến trên, tiết kiệm chi phí, nâng cao sức khỏe cho người dân và góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội của đất nước.	75.643	75.643			2016-2020	05 năm
19	Bệnh viện Sản - Nhi An Giang (GĐ I: Khối sản 200 giường)	LX	Bệnh viện sản Nhi AG	Cải tạo khối sinh+cấp cứu sinh+phụ sản; khối dược; X.Quang; khối dinh dưỡng; trang thiết bị	Đáp ứng nhu cầu khám, chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe cho người dân trên địa bàn thành phố và các khu vực lân cận. Góp phần đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh với trình độ y học chất lượng cao và chuyên sâu.	265.048	265.048			2016-2020	05 năm
20	Mở rộng bệnh viện Tim mạch An Giang (bổ sung)	LX	Sở YT	Cải tạo phòng phẫu thuật tim và bổ sung trang thiết bị	Hoàn chỉnh cơ sở vật chất của bệnh viện hoạt động ổn định lâu dài. Đồng thời nâng cao chất lượng dịch vụ khám chữa bệnh tim mạch, đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của xã hội.	59.044	59.044			2016-2020	05 năm
VI	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp										
21	Trường THCS Triệu Thị Trinh	LX	UBND LX	Khối phòng học + khối bộ môn + Nhà thi đấu đa năng + Thư viện + khối hiệu bộ + công trình phụ trợ + HTKT và thiết bị	Nhằm đáp ứng nhu cầu về cơ sở vật chất để phục vụ cho việc học tập và sinh hoạt của học sinh và giáo viên của trường. Đồng thời góp phần hoàn chỉnh cơ sở vật chất cho ngành giáo dục.	58.398	18.000	40.398		2016-2020	05 năm

STT	Lĩnh vực/danh mục dự án	Địa điểm	Chủ đầu tư	Quy mô đầu tư	Mục tiêu đầu tư	Tổng mức đầu tư (ĐVT: triệu đồng)	Cơ cấu nguồn vốn đầu tư			Thời gian thực hiện trong giai đoạn	Tiến độ thực hiện dự kiến
							Vốn NS Tỉnh	Vốn NS Huyện	Vốn khác (Vốn 135, miễn thuế lệ phí, vốn doanh nghiệp, vốn vay...)		
22	Trường THCS Kiến An	CM	UBND CM	Khối 06 phòng bộ môn, văn phòng BGH + thư viện, khối phòng học, công trình HTKT và phụ trợ + thiết bị	Nhằm góp phần hoàn chỉnh cơ sở vật chất để tạo điều kiện thuận lợi cho việc học tập và sinh hoạt của học sinh và giáo viên trường. Đồng thời để trường được công nhận là trường chuẩn quốc gia theo qui định	47.683	33.851	13.832		2017-2020	04 năm
23	Trường THPT Nguyễn Trường Tộ	CĐ	Sở GDĐT	Khối hiệu bộ, khối phòng học, khối phòng học bộ môn, công trình phụ trợ + HTKT và thiết bị	Nhằm đáp ứng nhu cầu về cơ sở vật chất để phục vụ cho việc học tập và sinh hoạt của học sinh và giáo viên của trường trên địa bàn thành phố và các huyện lân cận	85.000	85.000			2016-2020	05 năm
24	Trường THPT cấp 2,3 Long Bình	AP	Sở GDĐT	Khối văn phòng + phòng học bộ môn, khối phòng học, công trình phụ trợ + HTKT và thiết bị	Nhằm đáp ứng nhu cầu về cơ sở vật chất để phục vụ cho việc học tập và sinh hoạt của học sinh và giáo viên của trường	68.000	68.000			2016-2020	05 năm
25	Trường THCS Mạc Đĩnh Chi	LX	UBND LX	Khối 24 phòng học, 06 phòng bộ môn, các phòng chức năng, công trình phụ trợ +HTKT+thiết bị	Nhằm đáp ứng nhu cầu về cơ sở vật chất để phục vụ cho việc học tập và sinh hoạt của học sinh và giáo viên của trường. Đồng thời góp phần hoàn chỉnh cơ sở vật chất cho ngành giáo dục.	52.089	19.459	32.630		2016-2020	05 năm
26	Trường THCS Cẩn Đăng	CT	UBND CT	Xây mới 30 phòng học + 06 phòng học bộ môn + các phòng chức năng; công trình phụ trợ + HTKT và thiết bị	Nhằm đáp ứng nhu cầu về cơ sở vật chất để phục vụ cho việc học tập và sinh hoạt của học sinh và giáo viên của trường. Đồng thời để trường được công nhận là trường chuẩn quốc gia theo Đề án được duyệt.	78.269	60.403	17.866		2016-2020	05 năm
27	Trường dân tộc nội trú THCS Trí Tôn	TB	Ban QLDA ĐTXD & KVPTĐT tỉnh	Khối 48 phòng ở nội trú, khối hành chính + các phòng học bộ môn, công trình phụ trợ + HTKT và thiết bị	Nhằm góp phần hoàn chỉnh cơ sở vật chất để tạo điều kiện thuận lợi cho việc học tập và sinh hoạt của học sinh và giáo viên của trường. Đồng thời để trường từng bước nâng cấp thành trường chuẩn Quốc gia.	52.803	50.535		2.268	2016-2020	05 năm
28	Trường chính trị Tôn Đức Thắng	LX	Trường CTTĐT	Cải tạo khu ký túc xá, giảng đường; xây mới khu hội trường; CT phụ trợ, HTKT; TB	Nhằm góp phần nâng cao cơ sở vật chất, phục vụ nhu cầu đào tạo bồi dưỡng cán bộ đảng viên	104.319	104.319			2016-2023	05 năm

STT	Lĩnh vực/danh mục dự án	Địa điểm	Chủ đầu tư	Quy mô đầu tư	Mục tiêu đầu tư	Tổng mức đầu tư (ĐVT: triệu đồng)	Cơ cấu nguồn vốn đầu tư			Thời gian thực hiện trong giai đoạn	Tiến độ thực hiện dự kiến
							Vốn NS Tỉnh	Vốn NS Huyện	Vốn khác (Vốn 135, miễn thuế lệ phí, vốn doanh nghiệp, vốn vay...)		
29	Mua sắm thiết bị phòng bộ môn ngoại ngữ cho các cấp học trên địa bàn tỉnh An Giang giai đoạn 2016-2020	Toàn tỉnh	SGĐĐT	Mua sắm trang thiết bị 241 phòng học bộ môn ngoại ngữ	Nhằm góp phần hoàn chỉnh cơ sở vật chất để trường được công nhận là trường chuẩn quốc gia theo đề án được duyệt	81.200	81.200			2016-2020	05 năm
30	Trường mẫu giáo Hoa Hồng (điểm mới)	CD	UBND TP CD	20 phòng học + Hành chính quản trị + phục vụ học tập + Khối nhà bếp + HTKT + Trang thiết bị	Nhằm hoàn chỉnh cơ sở vật chất, đáp ứng nhu cầu dạy và học của trường, góp phần để trường đạt chuẩn Quốc gia	71.500	40.000	31.500		2016-2020	05 năm
VII Văn hóa, thể thao và du lịch											
31	Nhà tập và nhà ở cho vận động viên thể thao tỉnh An Giang	LX	SVHTTDL	Khối nhà tập và nhà ở cho vận động viên và trang thiết bị	Nhằm đảm bảo đủ cơ sở vật chất phục vụ luyện và sinh hoạt của vận động viên. Góp phần nâng cao chất lượng hoạt động TDTT nhất là thể thao thành tích cao	59.227	59.227			2016-2020	05 năm
32	Nhà thi đấu đa năng thành phố Châu Đốc	CD	UBND CD	2.000 chỗ	Nhằm tạo điều kiện về cơ sở vật chất, đáp ứng nhu cầu tập luyện cho các vận động viên, từ đó phát hiện các vận động viên có năng khiếu để đào tạo chuyên sâu về chuyên môn để cung cấp cho đoàn thể thao của tỉnh	126.465	63.000	63.465		2016-2020	05 năm
33	Nhà hát tỉnh An Giang	LX	SVHTT&DL	Diện tích khu đất: 20.000m ² . Diện tích nhà hát 6.030m ²	Đầu tư Nhà hát tỉnh An Giang với đa chức năng biểu diễn là rất cần thiết nhằm đáp ứng nhu cầu thưởng thức và sáng tạo các loại hình văn hóa, nghệ thuật biểu diễn của tỉnh, góp phần giữ gìn và phát huy các giá trị văn học, nghệ thuật trong thời kỳ hội nhập và phát triển.	215.200	215.200			2016-2020	05 năm
VIII Quốc phòng, an ninh											
34	Mở rộng đất Ban Quân sự thành phố Long Xuyên.	LX	BCH QS tỉnh	Diện tích mở rộng 36.906m ²	Nhằm tăng cường cơ sở vật chất quốc phòng, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ quân sự địa phương	70.523	70.523			2015-2017	03 năm

STT	Lĩnh vực/danh mục dự án	Địa điểm	Chủ đầu tư	Quy mô đầu tư	Mục tiêu đầu tư	Tổng mức đầu tư (ĐVT: triệu đồng)	Cơ cấu nguồn vốn đầu tư			Thời gian thực hiện trong giai đoạn	Tiến độ thực hiện dự kiến
							Vốn NS Tỉnh	Vốn NS Huyện	Vốn khác (Vốn 135, miễn thuế lệ phí, vốn doanh nghiệp, vốn vay...)		
35	Doanh trại trung đoàn bộ binh 892	CP	BCH QS tỉnh	Khối Trung đoàn; khối Tiểu đoàn; hạ tầng kỹ thuật, công trình phụ trợ và trang thiết bị	Đáp ứng nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu trong mọi tình huống, tạo thế trận phòng thủ vững chắc liên hoàn, từng bước xây dựng quân đội chính quy, tinh nhuệ, ngày càng vững mạnh và phát triển.	109.954	109.954			2016-2020	05 năm
IX	Thông tin - truyền thông										
36	Thiết bị sản xuất chương trình chất lượng HD	LX	Đài PTTH	Camera lưu động; chuẩn HD cho 02 phim trường; dựng phi tuyến chuẩn SD/HD; bộ máy dựng và lồng tiếng chuẩn SD/HD; bộ làm đồ họa và kỹ xảo ,...	Nhằm hiện đại hóa cơ sở vật chất kỹ thuật của Đài theo định hướng quy hoạch truyền hình Việt Nam đến năm 2020 với công nghệ ứng dụng chủ đạo là công nghệ số hóa chất lượng HD	49.993	49.993			2016-2020	05 năm
B	CÔNG TRÌNH TRỌNG ĐIỂM NHÓM C					639.238	526.711	112.527	0		
I	Giao thông										
1	Cầu Cái Đầm – ĐT 954	PT	Ban QLDA ĐTXD công trình giao thông	99,2m	Đáp ứng nhu cầu giao thông ngày càng cao của cộng đồng dân cư trong khu vực, tạo điều kiện cho việc phát triển về nhiều mặt như: kinh tế, văn hóa, xã hội,... của huyện Phú Tân nói riêng và tỉnh An Giang nói chung	60.576	60.576			2017-2020	03 năm
2	Tuyến đường giao thông nông thôn Cần Đăng - Vĩnh Hanh	CT	UBND CT	16.219m	Tạo điều kiện thuận lợi cho việc đi lại, vận chuyển hàng hoá, nông sản của người dân trong khu vực, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội địa phương.	61.238	49.617	11.621		2016-2019	03 năm
II	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp										
3	Trường THCS Kiến Thành.	CM	UBND CM	Xây mới khối 06 phòng học bộ môn, văn phòng BGH + thư viện, công trình HTKT+ phụ trợ + thiết bị	Nhằm góp phần hoàn chỉnh cơ sở vật chất để tạo điều kiện thuận lợi cho việc học tập và sinh hoạt của học sinh và giáo viên trường. Đồng thời để trường được công nhận là trường chuẩn quốc gia theo qui định	36.214	26.492	9.722		2016-2020	03 năm

STT	Lĩnh vực/danh mục dự án	Địa điểm	Chủ đầu tư	Quy mô đầu tư	Mục tiêu đầu tư	Tổng mức đầu tư (ĐVT: triệu đồng)	Cơ cấu nguồn vốn đầu tư			Thời gian thực hiện trong giai đoạn	Tiến độ thực hiện dự kiến
							Vốn NS Tỉnh	Vốn NS Huyện	Vốn khác (Vốn 135, miễn thuế lệ phí, vốn doanh nghiệp, vốn vay...)		
4	Trường THCS Tà Đảnh	TT	UBND TT	18 phòng học + 06 phòng bộ môn + các phòng chức năng; công trình phụ trợ + HTKT và thiết bị	Nhằm đáp ứng nhu cầu về cơ sở vật chất để phục vụ cho việc học tập và sinh hoạt của học sinh và giáo viên của trường. Đồng thời đề trường được công nhận là trường chuẩn quốc gia theo Đề án được duyệt.	42.091	32.004	10.087		2016-2020	03 năm
5	Trường THCS Lương An Trà	TT	UBND TT	12 phòng học + 06 phòng bộ môn + thư viện + các phòng chức năng, công trình phụ trợ + HTKT+ thiết bị	Nhằm đáp ứng nhu cầu về cơ sở vật chất để phục vụ cho việc học tập và sinh hoạt của học sinh và giáo viên của trường. Đồng thời đề trường được công nhận là trường chuẩn quốc gia theo Đề án được duyệt.	38.047	31.444	6.603		2016-2020	03 năm
6	Trường THCS Tân An	TC	UBND TC	04 phòng học + các phòng chức năng và 06 phòng học bộ môn; công trình phụ trợ + HTKT và thiết bị	Nhằm đáp ứng nhu cầu về cơ sở vật chất để phục vụ cho việc học tập và sinh hoạt của học sinh và giáo viên của trường. Đồng thời đề trường được công nhận là trường chuẩn quốc gia theo Đề án được duyệt.	37.296	29.483	7.813		2016-2020	03 năm
7	Trung tâm giáo dục thường xuyên tỉnh An Giang	LX	Ban QLDA ĐTXD&KV PTĐT tỉnh	Khởi phòng học, hội trường, công trình phụ trợ, HTKT,...	Việc đầu tư xây dựng Trung tâm Giáo dục Thường xuyên An Giang nhằm tăng cường cơ sở vật chất cho trung tâm, có điều kiện để nâng cao chất lượng giáo dục, nâng cao dân trí, đào tạo nhân tài phục vụ cho chiến lược phát triển kinh tế xã hội của đất nước và xứng tầm với trung tâm giáo dục thường xuyên cấp tỉnh.	41.758	41.758			GĐ 1: 2016-2020, GĐ 2: sau 2020	05 năm
III	<i>Y tế, dân số và vệ sinh an toàn thực phẩm</i>										
8	Trang thiết bị cho phòng phẫu thuật tim thuộc bệnh viện Tim mạch An Giang	LX	Sở Y tế	Trang bị thiết bị để phẫu thuật tim và hồi sức – hậu phẫu	Nhằm hoàn thiện trang thiết bị y tế cho Bệnh viện Tim mạch An Giang, tạo môi trường và điều kiện thuận lợi cho đội ngũ y bác sĩ của bệnh viện làm việc có hiệu quả	35.351	35.351			2016-2020	03 năm

STT	Lĩnh vực/danh mục dự án	Địa điểm	Chủ đầu tư	Quy mô đầu tư	Mục tiêu đầu tư	Tổng mức đầu tư (ĐVT: triệu đồng)	Cơ cấu nguồn vốn đầu tư			Thời gian thực hiện trong giai đoạn	Tiến độ thực hiện dự kiến
							Vốn NS Tỉnh	Vốn NS Huyện	Vốn khác (Vốn 135, miễn thuế lệ phí, vốn doanh nghiệp, vốn vay...)		
IV	Văn hóa, thể thao và du lịch										
9	Nhà thi đấu đa năng huyện Châu Thành	CT	Sở VH-TTDL	Nhà thi đấu, công trình phụ trợ + HTKT và thiết bị	Tạo điều kiện thuận lợi về cơ sở vật chất cho các vận động viên có sân tập để thường xuyên tập luyện, giao lưu các môn thể thao giữa các vận động viên trên địa bàn huyện và các khu vực lân cận	41.000	21.000	20.000		2016-2020	03 năm
10	Nhà thiếu nhi huyện Chợ Mới	CM	Tỉnh Đoàn	Khối hội trường, hành chính, HTKT, Phụ trợ, TB và các hạng mục xã hội hóa	Nhằm tạo cơ sở vật chất để các em thiếu nhi của huyện Chợ Mới có nơi vui chơi, rèn luyện nhiều kỹ năng trong những thời gian không đến trường học.	47.047	37.265	9.782		GD 1: 2016-2020, GD 2: sau 2020	03 năm
11	Nhà thiếu nhi huyện Thoại Sơn	TS	Tỉnh Đoàn	Khối hội trường, hành chính, HTKT, Phụ trợ, TB và các hạng mục xã hội hóa	Nhằm tạo cơ sở vật chất để các em thiếu nhi của huyện Thoại Sơn có nơi vui chơi, rèn luyện nhiều kỹ năng trong những thời gian không đến trường học.	37.470	37.470			2016-2020	03 năm
12	Nhà thi đấu huyện Tri Tôn	TT	UBND TT	Nhà thi đấu, công trình phụ trợ và hạ tầng kỹ thuật, trang thiết bị	Tạo điều kiện thuận lợi về cơ sở vật chất cho các vận động viên có sân tập để thường xuyên tập luyện, giao lưu các môn thể thao giữa các vận động viên trên địa bàn huyện Tri Tôn và các khu vực lân cận	39.823	30.579	9.244		2017-2020	03 năm
13	Khu du lịch Hồ Soài Sò, xã Núi Tô, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang	TT	UBND TT	3,9ha	Hoàn chỉnh cơ sở hạ tầng nhằm thu hút du khách đến tham quan, vui chơi giải trí, góp phần phát triển du lịch tỉnh nhà	39.812	39.812			2016-2020	03 năm
V	Quản lý nhà nước					0					
14	Trụ sở huyện Ủy An Phú	AP	UBND AP	Hội trường 400 chỗ, công trình phụ trợ + HTKT và thiết bị.	Nhằm hoàn chỉnh cơ sở vật chất cho Huyện ủy An Phú, góp phần tạo môi trường thuận lợi cho cán bộ, công chức làm việc và sinh hoạt.	41.774	27.733	14.041		2017-2020	03 năm

STT	Lĩnh vực/danh mục dự án	Địa điểm	Chủ đầu tư	Quy mô đầu tư	Mục tiêu đầu tư	Tổng mức đầu tư (ĐVT: triệu đồng)	Cơ cấu nguồn vốn đầu tư			Thời gian thực hiện trong giai đoạn	Tiến độ thực hiện dự kiến
							Vốn NS Tỉnh	Vốn NS Huyện	Vốn khác (Vốn 135, miễn thuế lệ phí, vốn doanh nghiệp, vốn vay...)		
15	Trụ sở HĐND và UBND huyện Châu Phú	CP	UBND CP	Khối Hội đồng nhân dân - Ủy ban nhân dân; khối phòng chức năng; công trình phụ trợ +HTKT và thiết bị.	Việc xây dựng Trụ sở Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện Châu Phú là cần thiết nhằm đáp ứng nhu cầu làm việc, tiếp dân cũng như hội họp tuyên truyền đường lối chính sách chủ trương của Đảng và Nhà nước cho người dân, phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn huyện.	39.741	26.127	13.614		2016-2020	03 năm



PHỤ LỤC SỐ 04

DANH MỤC BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ DỰ ÁN KHÔNG THỰC HIỆN TRONG GIAI ĐOẠN 2016-2020

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 24 /NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang)

STT	Lĩnh vực/danh mục dự án	Địa điểm	Chủ đầu tư	Quy mô đầu tư	Mục tiêu đầu tư	Tổng mức đầu tư (ĐVT: triệu đồng)	Cơ cấu nguồn vốn đầu tư			
							Vốn NS Trung ương hỗ trợ	Vốn NS Tỉnh	Vốn NS Huyện	Vốn khác (Vốn 135, miễn thủy lệ phí, vốn doanh nghiệp, Vốn vay...)
	TỔNG CỘNG					556.854	122.392	372.928	61.534	0
I	Công nghiệp, thương mại									
1	Quốc môn cửa khẩu quốc tế Tịnh Biên	TB	Ban QLKKT	Chiều rộng khoảng 55m, bề ngang 8m, cao 24,5m	Nhằm từng bước hoàn thiện hệ thống công trình hạ tầng theo quy hoạch được duyệt, góp phần đẩy nhanh thu hút đầu tư và phát triển khu kinh tế cửa khẩu Tịnh Biên	71.000	54.239	16.761		
2	Trạm kiểm soát liên hợp và quốc môn cửa khẩu quốc tế Vĩnh Xương	TC	Ban QLKKT	Diện tích sử dụng đất 5ha, gồm: Trạm kiểm soát liên hợp, hạ tầng kỹ thuật + thiết bị.	Nhằm từng bước hoàn thiện hệ thống cửa khẩu biên giới đất liền Việt Nam – Campuchia theo một quy hoạch thống nhất, hợp lý và đồng bộ, góp phần phát triển kinh tế xã hội của địa phương	112.189	68.153	44.036		
II	Quản lý nhà nước									
3	Trụ sở làm việc Sở Tài nguyên và Môi trường	LX	STN&MT	Khởi công trình chính; công trình phụ trợ; trang thiết bị	Nhằm tăng cường cơ sở vật chất, tạo điều kiện thuận lợi cho CB, CC, VC của Sở, nâng cao chất lượng phục vụ nhân dân, góp phần hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao	54.365		54.365		
III	Văn hóa, thể thao và du lịch									
4	Nhà thi đấu thể thao thị xã Tân Châu	TC	UBND TXTC	Khởi công trình chính + TB+ công trình phụ trợ +HTKT	Nhằm đáp ứng nhu cầu vui chơi thể dục thể thao trong nhân dân, thúc đẩy sự phát triển của phong trào thể dục thể thao quần chúng và thể thao chuyên nghiệp.	40.000		30.000	10.000	

STT	Lĩnh vực/danh mục dự án	Địa điểm	Chủ đầu tư	Quy mô đầu tư	Mục tiêu đầu tư	Tổng mức đầu tư (ĐVT: triệu đồng)	Cơ cấu nguồn vốn đầu tư			
							Vốn NS Trung ương hỗ trợ	Vốn NS Tỉnh	Vốn NS Huyện	Vốn khác (Vốn 135, miễn thủy lệ phí, vốn doanh nghiệp, Vốn vay...)
5	Nhà thiếu nhi huyện An Phú	AP	Tỉnh Đoàn	Khối hội trường, hành chính, HTKT, Phụ trợ, TB và các hạng mục xã hội hóa	Nhằm tạo cơ sở vật chất để các em thiếu nhi của huyện An Phú có nơi vui chơi, rèn luyện nhiều kỹ năng trong những thời gian không đến trường học.	38.470		37.470	1.000	
6	Sân đua bò huyện Tri Tôn	TT	UBND TT	Hạng mục: Khán đài, sân thể thao, công trình phụ trợ và hạ tầng kỹ thuật, trang thiết bị	Nhằm chỉnh sửa cơ sở vật chất để thu hút khách tham đến xem lễ hội ngày càng nhiều hơn, qua đó góp phần phát huy nét văn hóa truyền thống đặc trưng huyện miền núi Tri Tôn	55.034		4.500	50.534	
IV	<i>Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp</i>									
7	Nâng cấp, mở rộng Trường trung cấp nghề Châu Đốc	CD	SLĐT&XH	Khối 12 phòng học + các phòng chức năng + thư viện + các xưởng thực hành	Nhằm hoàn chỉnh cơ sở vật chất, đáp ứng nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực có tay nghề cho địa phương	65.795		65.795		
V	<i>Giao thông</i>									
8	Nâng cấp Đường tỉnh 949 TB-TT	TB-TT	Ban QLDA ĐTXD công trình giao thông	21.900 m	Tạo điều kiện cho việc đi lại, vận chuyển hàng hóa của nhân dân trong khu vực, nâng cấp hệ thống giao thông đường vành đai biên giới nối liền giao thông của khu vực với các vùng lân cận, góp phần phát triển kinh tế xã hội địa phương.	120.001		120.001		